

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 122/2025/HS-ST

Ngày: 22-8-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngẫu.

Các Thẩm phán: 1. Bà Phạm Thị Thanh Giang;

2. Bà Dương Thuý Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Trần Khánh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 117/2025/TLPT-HS ngày 28 tháng 7 năm 2025; do có kháng cáo của bị cáo Võ Văn M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2025/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là Toà án nhân dân Khu vực 11 – Tây Ninh).

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: Võ Văn M, sinh năm 1994 tại Campuchia; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị L; vợ: Trương Thị Út N; con: có 01 người, sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: không có.

Nhân thân: ngày 26/01/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 15 tháng, chấp hành xong ngày 28/02/2019.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn M: Luật sư Nguyễn Văn T – Luật sư Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

Ngoài ra còn có người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 02/2015, Võ Văn M quen biw61t và nảy sinh tình cảm yêu thương với chị Đoàn Phương Thùy L1, sinh ngày 23/3/2000, ngụ khu phố C, thị trấn T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Tây Ninh. Đến khoảng tháng 7/2015, M đưa chị L1 về nhà của anh Võ Văn N1, sinh năm 1993, ngụ ấp T, xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Tây Ninh (là anh ruột của M) để ở và chung sống với nhau như vợ chồng. Trong thời gian chung sống với nhau, M đã nhiều lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục với chị L1 và trong thời gian này chị L1 cũng thực hiện hành vi quan hệ tình dục với nhiều người đàn ông khác nhưng chị L1 không biết họ tên, địa chỉ của những người này. Đến năm 2016, chị L1 có thai nên M thuê Phòng trọ số 5, nhà T thuộc khu phố C, thị trấn T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Tây Ninh để cả hai cùng sinh sống. Đến ngày 20/11/2016, chị L1 sinh 01 bé gái tại Bệnh viện đa khoa tỉnh T và đặt tên là Đoàn Ánh H1. Sau khi sinh con xong, M và chị L1 tiếp tục chung sống với nhau tại nhà trọ nêu trên. Sau đó, giữa M và chị L1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, M bỏ đi không quan tâm, chăm sóc cho chị L1 và con nên ngày 10/8/2017, bà Phương Thị T1 (là mẹ ruột của chị L1) có đơn tố cáo hành vi phạm tội của M đến Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Trong thời gian bà T1 có đơn tố cáo thì M có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng. Sau khi chấp hành xong, M đi làm thuê ở nhiều nơi, đến cuối năm 2024 M trở về địa phương thì biết mình bị bà T1 tố cáo có hành vi giao cấu với chị L1 khi chị L1 chưa đủ 16 tuổi nên M đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh đầu thú.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh, Võ Văn M đã thừa nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

- Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: không có.
- Bản Kết luận giám định số 7939/KL-KTHS ngày 10/01/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- + Đoàn Phương Thùy L1 và bé Đoàn Ánh H1 có quan hệ huyết thống mẹ - con;

- + Võ Văn M và bé Đoàn Ánh H1 không có quan hệ huyết thống cha - con.

- Xét nghiệm HIV đối với Võ Văn M có kết quả: Âm tính.

- Trách nhiệm dân sự: chị L1 không yêu cầu bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2025/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là Toà án 1 nhân dân Khu vực A – Tây Ninh) đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Văn M 03 (ba) năm tù về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngày 26/6/2025, bị cáo Võ Văn M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Võ Văn M trình bày ý kiến: giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày ý kiến:

Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Văn M về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo M mức hình phạt 03 năm tù là khởi điểm của khung hình phạt bị cáo bị truy tố, xét xử là tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội bị cáo gây ra, không nặng. Bị cáo kháng cáo, không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn M trình bày ý kiến:

Thông nhất với tội danh và điều luật mà cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo M. Bị cáo M sau khi chấp hành xong thời gian chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, M đi làm thuê ở nhiều nơi, đến cuối năm 2024 M trở về địa phương thì biết mình bị bà T1 tố cáo có hành vi giao cấu với chị L1 khi chị L1 chưa đủ 16 tuổi, nên M đến Cơ quan điều tra đầu thú, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết này để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo M. Ngoài ra, bị cáo M có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mất sớm, mẹ bỏ đi Campuchia sinh sống không chăm sóc, nuôi dạy bị cáo, bị cáo phải đi làm thuê từ nhỏ, trình độ học vắn thấp, nhận thức pháp luật rất hạn chế; khi quen và được bị hại biết bị hại đã trên 18 tuổi, bị hại có ngoại hình to lớn làm cho bị cáo nhầm tưởng bị hại đã trên 18 tuổi như lời bị hại nói với bị cáo; hiện tại bị cáo đã có gia đình mới, có con còn nhỏ, là trụ cột và là lao động chính trong gia đình, nếu bắt bị cáo đi chấp hành án 03 năm tù sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình bị cáo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo M được hưởng án treo.

Bị cáo Võ Văn M trình bày ý kiến tranh luận: thông nhất lời trình bày bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo, không trình bày tranh luận bổ sung.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày ý kiến: việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ “đầu thú” theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thẩm quyền của Hội đồng xét xử, Viện kiểm sát không có ý kiến. Đối với việc cho bị cáo được hưởng án treo, thấy rằng bị cáo bị truy tố, xét xử về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm a

khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự, là tội phạm rất nghiêm trọng” căn cứ vào Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các điều 141, 142, 143, 144, 145, 146 và 147 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử các vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi thì hành vi của bị cáo M phải bị xử phạt nghiêm khắc. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo M.

Người bào chữa cho bị cáo M không trình bày tranh luận bổ sung, bảo lưu quan điểm đã đề nghị.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo M xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị cáo Võ Văn M lập ngày 26/6/2025, gửi Tòa án cấp sơ thẩm còn trong thời hạn luật định; nội dung đơn kháng cáo hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện:

Tại phiên tòa, bị cáo M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ xác định: trong khoảng thời gian từ tháng 7/2015 đến tháng 8/2017, tại nhà của anh Võ Văn N1 thuộc ấp T, xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Tây Ninh và tại Phòng trọ số E, nhà T thuộc khu phố C, thị trấn T (nay là xã T), tỉnh Tây Ninh, M đã chung sống như vợ chồng với chị Đoàn Phương Thùy L1, sinh ngày 23/3/2000 (là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi). Trong thời gian chung sống, M đã rất nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với chị L1. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo M về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất, tâm sinh lý của trẻ em gái từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi được pháp luật hình sự bảo vệ; đồng thời gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Khi thực hiện tội phạm bị cáo biết rõ việc giao cấu với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là hành vi phạm tội nhưng vẫn cố tình thực hiện, nên cần nghiêm trị.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Võ Văn M, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Khi quyết định hình phạt, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo M mức hình phạt 03 năm tù là khởi điểm của khung hình phạt bị cáo bị truy tố, xét xử, là tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội bị cáo gây ra, không nặng.

[4.2] Tại phiên toà phúc thẩm, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết “đầu thú” theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thấy rằng, sau khi biết được hành vi của mình bị bà Phương Thị T1 (là mẹ ruột của bị hại L1) có đơn tố cáo, bị cáo đã đến cơ quan điều tra trình diện và đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cấp sơ thẩm chưa áp dụng, cấp phúc thẩm áp dụng để xem xét cho bị cáo, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, như đã nhận định tại mục [4.1] nêu trên, bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, mức hình phạt 03 năm tù Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo M là khởi điểm của khung hình phạt bị cáo bị truy tố, xét xử, là tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội bị cáo gây ra, không nặng, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo M và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo M.

[4.3] Về kháng cáo xin được hưởng án treo, thấy rằng: bị cáo M bị truy tố, xét xử về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự, là tội phạm rất nghiêm trọng, căn cứ vào Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các điều 141, 142, 143, 144, 145, 146 và 147 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử các vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi thì hành vi của bị cáo M phải bị xử phạt nghiêm khắc. Bị cáo phạm tội nhiều lần, mỗi lần phạm tội đều cấu thành tội phạm nghiêm trọng, nên căn cứ vào khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo*” thì bị cáo M không đủ điều kiện để được hưởng án treo.

[5] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Văn M, không chấp nhận đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo M, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo M phải chịu.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Văn M;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2025/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Tây Ninh).

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Văn M **03 (ba) năm tù** về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Võ Văn M phải phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1. TANDTC (Vụ 1);
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng GDKT, TT&THA TA tỉnh;
- TAND Khu vực 11 – Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 11- Tây Ninh;;
- Phòng THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng LL STP tỉnh Tây Ninh;
- Cơ quan CSĐT CA Tây Ninh;
- Phòng PV 06 Công an Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu tập án, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Ngẫu